

Bản án số: **251/2024/HS-ST**
Ngày 27 - 11 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Anh Tuấn
2. Ông Trần Viết Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Tú – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Đức Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và ngày 27 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 336/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 433/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị M năm 1983 tại Cà Mau nơi cư trú (nơi đăng ký thường trú: Khu vực 4, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Làm công trình độ học vấn: 0/12 dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N (đã chết) và bà Nguyễn Thị N1; chung sống như vợ chồng với Trần Quang T và có 03 con (lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2015); tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/3/2024 đến nay. (có mặt)

- Bị hại:

1. Chị Trần Tô N2, sinh năm 1989; nơi cư trú: 1419/131/14 L, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. Anh Vũ Minh V, sinh năm 1985; nơi cư trú nơi cư trú: 1419/131/14 L, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Tố N2 và Nguyễn Thị Trúc L cùng là nhân viên nhà hàng T1, Phường C, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Vào ngày 11/10/2011, cả hai xảy ra mâu thuẫn và đánh nhau, sau đó được mọi người can ngăn. Đến 01 giờ sáng ngày 12/10/2011, khi Trần Tố N2 đi làm từ nhà hàng về đến đầu hẻm G P, Phường D, Quận H, thì gặp Nguyễn Thị Trúc L và bà Đào Bích P (là mẹ ruột của L). Tại đây, cả hai tiếp tục cãi vã và đánh nhau, L bị Như đánh gây thương tích và chảy nhiều máu ở mặt. Đến khoảng 09 giờ ngày 12/10/2011, L gọi điện cho chồng là Nguyễn Văn L1 kể lại sự việc bị đánh, L1 gọi điện cho Nguyễn Thị M1 (là chị ruột của L1) kêu M1 đến nhà của L1 để xem tình hình L bị đánh như thế nào. Sau khi nghe điện thoại từ L1 thì M1 có nói lại chuyện L bị đánh cho Trần Quang T (chung sống như vợ chồng với M1), Nguyễn Văn D (em ruột M1), Phan Khắc D1, Nguyễn Thanh P1, H (chưa rõ lai lịch, địa chỉ) và rủ tất cả những người đang ở cùng đến phòng trọ của L nhằm mục đích hỏi thăm và trả thù cho L.

Đến khoảng 11 giờ ngày 12/10/2011, L1 đến chỗ ở của M1 và tất cả thống nhất đi qua nhà thăm L. Tại nhà L, L có kể lại cho M1 việc L bị Trần Tố N2 dùng chìa khóa xe đâm vào mặt. Sau đó, bà P đưa M1 đi để chỉ chỗ ở của Trần Tố N2. Trên đường đi, M1 ghé vào tiệm tạp hóa (không rõ địa chỉ) mua 01 chiếc dao lam. M1 về lại phòng của L và nói với T, D, P1, H, D1: *“bây giờ chúng mình đến đánh dần mặt con nhỏ kia”* thì được cả nhóm đồng ý. Muội dẫn T, D, P1, H, D1 cùng đến phòng trọ của Như tại 7 P, Phường D, Quận H. Trên đường đi cả nhóm thống nhất M1, D sẽ đánh Như, nếu có người can ngăn thì những người còn lại sẽ chặn đánh. Cũng trên đường đi tới nhà Như thì D nhặt 01 khúc cây dài khoảng 40cm, H nhặt 01 khúc cây dài khoảng 1m.

Khi đến phòng của N2, M1 là người gõ cửa và nói *“chị ơi, có người gửi đồ”*, Như ra mở cửa thì bị M1 dùng tay phải đâm 01 cái vào mặt, Như liền đóng cửa lại. Thấy vậy, D dùng chân đạp cửa, cùng M1 lao vào, dùng chân và tay đánh nhiều lần vào người N2 (không nhớ rõ đánh bao nhiêu lần), còn H dùng cây gỗ đánh vào đầu N2 01 cái làm gãy cây gỗ. Lúc này, N2 có la lên *“Anh ơi nó đánh em”*, nghe tiếng kêu la, anh Vũ Minh V (bạn trai của N2) từ phòng kế bên chạy qua thì liền bị D dùng chân đạp 01 cái làm anh V té ngã xuống đất. Sau đó, D cùng P1, D1 đánh anh V bằng tay và chân, còn M1, H và T đánh tiếp tục đánh N2. Trong lúc đánh, M1 có nói *“Đè nó lại cho tao rạch mặt”* thì T và H giữ chặt hai tay của N2, còn M1 dùng hai tay bóc vỏ dao lam rồi cầm dao lam bằng tay trái rạch nhiều nhát vào vùng mặt và vùng đầu của N2 (không nhớ rõ rạch bao nhiêu nhát) làm mặt Như chảy nhiều máu. Như vùng vẫy và chụp được con dao ở gần đó quơ chém trúng H (không rõ trúng mấy nhát). Lúc này, lực lượng dân phòng tới nên cả nhóm bỏ chạy, Nguyễn Văn D bị quần chúng đuổi theo bắt được và bàn giao cho Công an P2, Quận H. Muội chạy về phòng trọ của L thay đồ do đồ dính nhiều máu rồi ra quán cafe tại Phường C, Quận H (không rõ địa chỉ cụ thể) để gặp P1, D1, H, T thì được biết D đã bị bắt

nên M1 có đưa cho P1 100.000 đồng để bắt xe về lán trại của M1 tại Quận A, còn T chờ M1 về bằng xe máy.

Tại lán trại, M1 cùng những người trên tính đường bỏ trốn. D1, H, P1 thì qua bên khu vực quận G để xin làm phụ hồ, còn T cùng M1 về quê nội của M1 để trốn tại Khu vực 4, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Tại Kiên Giang, M1 có gặp D1, H, P1 sau đó D1, H, P1 đi đầu thú, còn M1 và T tiếp tục đón xe về quê ngoại của M1 tại huyện N, tỉnh Cà Mau sau đó đến ấp C, xã T, huyện C để ở cho đến khi bị bắt.

Ngày 20/10/2011, Trung tâm giám định Pháp y Thành phố H có bản kết luận giám định số 1074/TgT.11, kết luận về thương tích của Trần Tổ N2: Đa vết thương phần mềm gây rách da đã được khâu 08 vết thương có kích thước 1 x 0,1 cm đến 9 x 0,2cm tại mặt trái chưa ổn định. Tỷ lệ thương tật tại thời điểm giám định là 15%.

Ngày 25/10/2011, Trung tâm giám định Pháp y Thành phố H có bản kết luận giám định số 1102/TgT.11, kết luận về thương tích của Vũ Minh V như sau: Chấn thương phần mềm vùng đầu, đùi trái, cẳng chân phải, hiện còn vết tăng sắc tố da mờ tại đùi trái và cẳng chân phải. Tỷ lệ thương tật hiện tại 02%.

Nguyễn Văn L1, Nguyễn Thị Trúc L, Đào Bích P khai không biết việc Nguyễn Thị M1 và những người khác bàn bạc và thực hiện hành vi phạm tội nêu trên.

Ngày 20/10/2011, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Thị M1, Nguyễn Văn D, Nguyễn Thanh P1, Phan Khắc D1 về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Nguyễn Văn D, Nguyễn Thanh P1, Phan Khắc D1 đã bị Tòa án nhân dân Quận 8 đưa ra xét xử (theo bản án số 56/2012/HSST ngày 30/3/2012). Riêng Nguyễn Thị M1 bỏ trốn nên Cơ quan điều tra đã Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can và Quyết định truy nã đối với M1.

Đến ngày 10/3/2024, trong lúc M1 đang làm việc ở quán B tại Tỉnh lộ 8, thị trấn C, huyện C thì bị Công an thị trấn C bắt theo Quyết định truy nã.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị M1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Việc tạm giữ, xử lý vật chứng trong vụ án:

- 01 con dao cán gỗ màu nâu, cán dao dài 12cm, lưỡi thép màu sáng dài 18,5cm, bản dao rộng 0,6cm, lưỡi bằng;

- 01 con dao cán gỗ màu nâu, cán dao dài 12cm, lưỡi thép màu sáng dài 18,5cm, bản dao rộng 3,5cm, lưỡi bằng;

- 01 lưỡi dao lam hiệu Gillette có dính chất như máu.

Những vật chứng nêu trên đã được xử lý tại bản án số 56/2012/HSST ngày 30/3/2012 của Tòa án nhân dân Quận 8.

Về trách nhiệm dân sự: Tại bản án số 56/2012/HSST ngày 30/3/2012 của Tòa án nhân dân Quận 8 đã tuyên buộc Nguyễn Văn D bồi thường cho chị N2 số tiền 30.000.000 đồng và bồi thường cho anh V số tiền 3.000.000 đồng; buộc Nguyễn Thanh P1 bồi thường cho chị N2 số tiền 10.000.000 đồng và bồi thường cho anh V số tiền 1.000.000 đồng; buộc Phan Khắc D1 bồi thường cho chị N2 số tiền 10.000.000 đồng và bồi thường cho anh V số tiền 1.000.000 đồng.

Trong vụ án này, chị Trần Tố N2 yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị M1 bồi thường số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng). Anh Vũ Minh V không yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị M1 bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số 282VKS-Q8 ngày 22/10/2024 Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Nguyễn Thị Muội về tội “Cố ý gây thương tích theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa,

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị M2 tội “Cố ý gây thương tích Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo từ 04 năm đến 05 năm tù. Về xử lý vật chứng, đã được xử lý tại bản án số 56/2012/HSST ngày 30/3/2012 của Tòa án nhân dân Quận 8 nên không đề cập giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo M1 bồi thường yêu cầu của bị hại Như.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận; bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, bị cáo trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định: Vào ngày 12/10/2011, tại nhà số G P, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Nguyễn Thị M1 cùng các đồng phạm có hành vi gây thương tích cho chị Trần Tố N2 với tỷ lệ thương tật là 15% và gây thương tích cho anh Vũ Minh V tỷ lệ thương tật là 02%.

Bị cáo và các đồng phạm dùng dao lam có cạnh sắc và khúc gỗ làm công cụ phạm tội nên được xác định là thuộc trường hợp “dùng hung khí nguy hiểm”. Giữa bị cáo và các đồng phạm cùng bị hại không có mâu thuẫn từ trước, chỉ qua lời kể về mâu thuẫn của người khác với bị hại mà bị cáo cùng đồng phạm đã tìm đến đánh gây thương tích cho bị hại, điều này thể hiện thái độ hung hãn, coi thường pháp luật, coi thường sức khỏe tính mạng của người khác, nên hành vi của bị cáo và đồng phạm thuộc trường hợp “có tính chất côn đồ”. Mặt khác, trước khi đi tìm bị hại để gây thương tích, bị cáo M1 đã rủ rê các đồng phạm khác và cùng bàn bạc, thống nhất ý chí về kế hoạch gây thương tích cho bị hại, có sự phân công vai trò thể hiện sự cấu kết chặt chẽ, nên hành vi của bị cáo và các đồng phạm thuộc trường hợp “có tổ chức”. Đây là các tình tiết định tội, định khung hình phạt của tội “Cố ý gây thương tích”.

[3] Thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thì Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đang có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, do có sự thay đổi của pháp luật hình sự mới, theo Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại khoản 2 Điều 134 có khung hình phạt từ 02 năm đến 06 năm tù, là nhẹ hơn mức hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là 02 năm đến 07 năm tù.

Do đó, để áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét về tội danh và hình phạt đối với bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội “Cố ý gây thương tích” như sau:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;

...

đ) Có tổ chức;

...

i) Có tính chất côn đồ;

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

...

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 điều này.

...”

[5] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, đã xâm phạm sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hành vi của bị cáo Nguyễn Thị M1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 ộc trường hợp quy định tại các điểm a, đ, i khoản 1 Điều 134) của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” là có cơ sở, đúng người, đúng tội. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nên có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, qua quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[7] Sau khi phạm tội, bị cáo đã bỏ trốn và bị Cơ quan điều tra ra quyết định truy nã, điều này đã gây khó khăn cho việc điều tra vụ án, thể hiện ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo là chưa tốt. Do đó, khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét để có mức hình phạt phù hợp với ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo.

[8] Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm có tổ chức, trong đó bị cáo là người chủ mưu cầm đầu và trực tiếp dùng dao lam gây thương tích cho bị hại Như, do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 58 để xem xét quyết định hình phạt phù hợp với tính chất, vai trò của bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại V không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Bị hại Như yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị M1 bồi thường số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng). Xét thấy, thiệt hại của bị hại là do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, yêu cầu của bị hại là có cơ sở. Tại phiên tòa, bị cáo cũng đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận và buộc bị cáo bồi thường cho bị hại Như số tiền 150.000.000 đồng.

[10] Nguyễn Văn D, Nguyễn Thanh P1, Phan Khắc D1 đã bị Tòa án nhân dân Quận 8 đưa ra xét xử và xử phạt mỗi bị cáo mức án 03 năm tù (theo bản án số 56/2012/HST ngày 30/3/2012).

[11] Đối với Nguyễn Văn L1, Nguyễn Thị Trúc L, Đào Bích P, Trần Quang T và H (chưa rõ lai lịch) nhận thấy có dấu hiệu đồng phạm về tội “Cố ý gây thương tích”. Tuy nhiên, thời điểm ban đầu không bắt được Nguyễn Thị M1 để đối chất lời khai và làm rõ hành vi, đến thời điểm hiện tại thì thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đã hết, Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm nhưng không có kết quả nên không có căn cứ để xử lý những đối tượng này.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 23 và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Căn cứ vào điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, đ, i khoản 1) Điều 134 điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M3 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “Cố ý gây thương tích Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/3/2024

- Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 357, 468, 584, 590 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị M4 thường cho chị Trần Tố N2 số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng. Thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, cơ quan Thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chưa thi hành đầy đủ khoản tiền bồi thường thiệt hại về tài sản theo mức nêu trên thì hàng tháng

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Căn cứ vào các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị M5 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 7.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKS ND Quận 8;
- VKS ND TP. HCM;
- CQĐT CA Quận 8;
- CQ THA HS CA Quận 8;
- Nhà tạm giữ CA Quận 8;
- Chi cục THA DS Quận 8;
- Người tham gia tố tụng khác;
- TA ND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- PC53;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phúc